

Ngày 30/09/2025	66,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.6%	32.6%	42.1%

	Q3/25	
ROE	11.5%	+/- YoY ▼ 9.8%

	Q3/25		
DT thuần	137	QoQ ▼ 3.00 ▼ 2.1%	YoY ▼ 2.00 ▼ 1.3%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	411	YoY ▼ 8.00 ▼ 1.9%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	54.9	QoQ ▼ 0.20 ▼ 0.4%	YoY ▲ 2.10 ▲ 3.9%
	tỷ VNĐ		

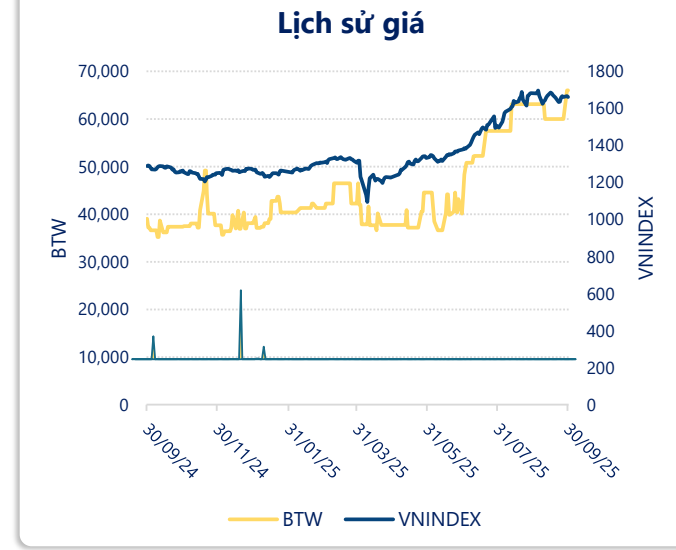
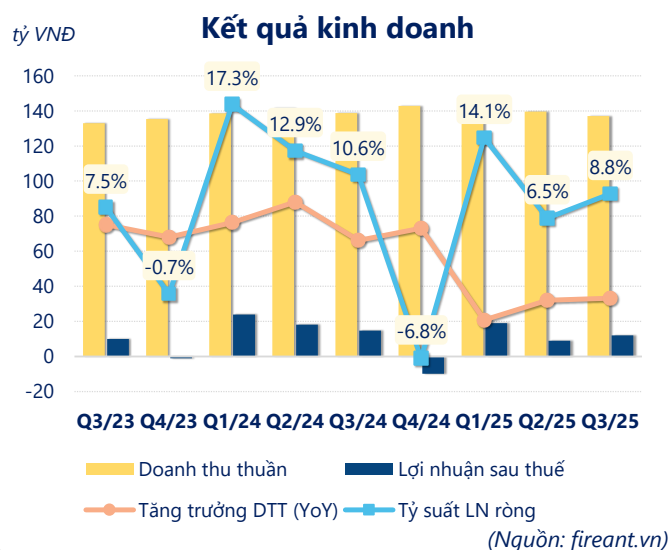
	9T 2025	
LN gộp	167	YoY ▲ 1.00 ▲ 0.4%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	15.0	QoQ ▲ 3.40 ▲ 29.2%	YoY ▼ 3.30 ▼ 18.1%
	tỷ VNĐ		

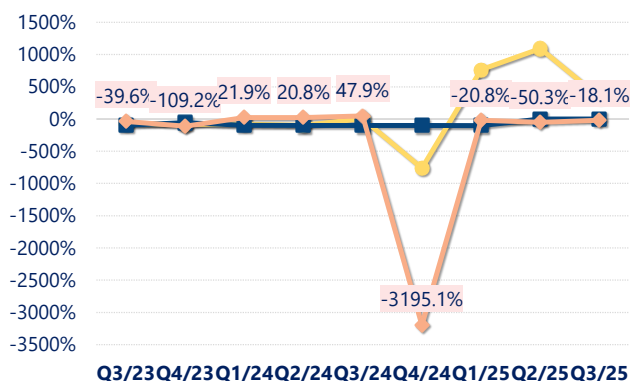
	9T 2025	
LN thuần	49.9	YoY ▼ 21.0 ▼ 29.6%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	12.1	QoQ ▲ 3.06 ▲ 33.3%	YoY ▼ 2.60 ▼ 18.0%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	40.0	YoY ▼ 16.8 ▼ 29.6%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

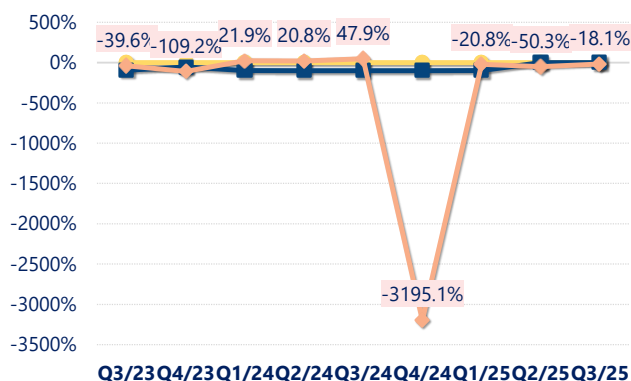


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

● Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 ■ Tăng trưởng EBIT (YoY)
 ◆ Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

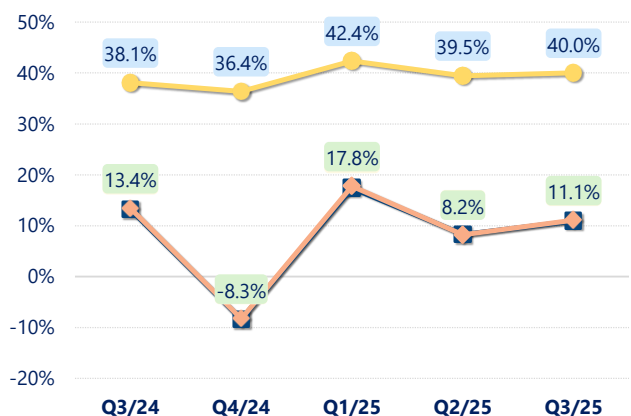


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

● Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 ■ Tăng trưởng EBIT (YoY)
 ◆ Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

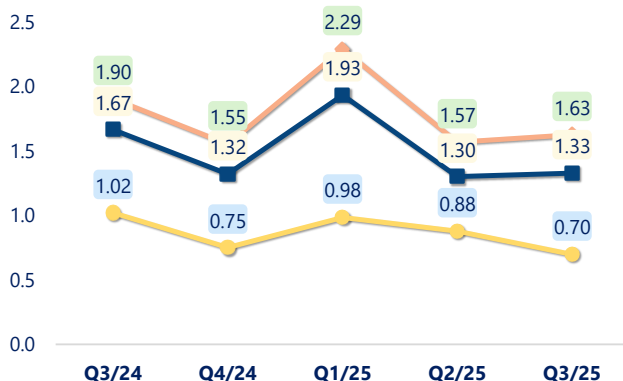


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

● Tỷ suất LN gộp
 ■ Tỷ suất LN thuần
 ◆ Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

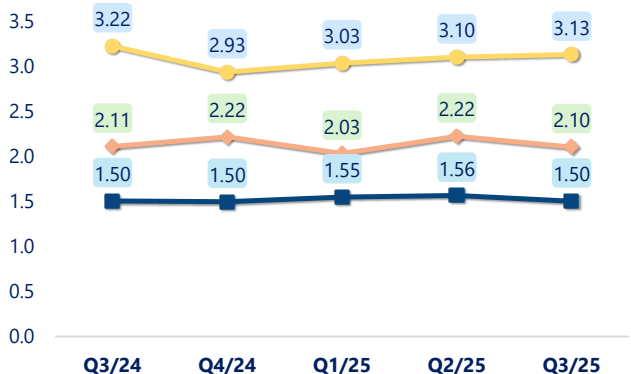


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

● Tỷ số thanh toán tiền mặt
 ■ Tỷ số thanh toán nhanh
 ◆ Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

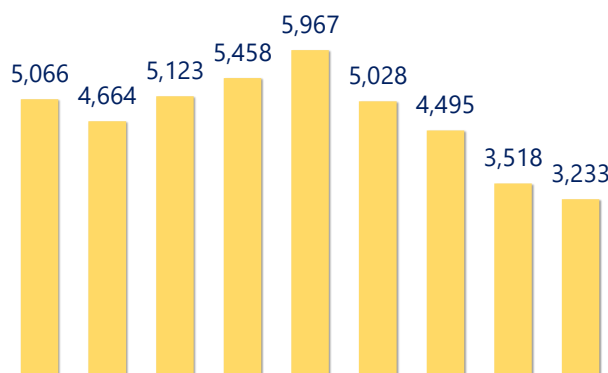


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

● Vòng quay TSCĐ
 ■ Vòng quay Tổng TS
 ◆ Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	137	139	-1.3%	411	419	-1.9%
Giá vốn hàng bán	82.3	85.9	-4.2%	244	253	-3.4%
Lợi nhuận gộp	54.9	52.8	3.9%	167	166	0.4%
Doanh thu HĐTC	0.22	0.24	-9.3%	1.19	1.16	2.5%
Chi phí TC	0.12	0.19	-35.8%	0.41	0.66	-38.0%
Chi phí lãi vay	0.12	0.19	-35.8%	0.41	0.66	-38.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	25.0	21.2	18.0%	69.8	55.7	25.3%
Chi phí QLDN	15.0	13.4	11.7%	47.9	40.0	19.5%
LN thuần từ HĐKD	15.0	18.3	-18.1%	49.9	70.9	-29.6%
Lợi nhuận khác	0.08	0.10	-15.7%	0.16	0.18	-8.0%
LN trước thuế	15.1	18.4	-18.1%	50.0	71.0	-29.6%
Lợi nhuận sau thuế	12.1	14.7	-18.0%	40.0	56.8	-29.6%
LNST của CĐ cty mẹ	12.1	14.7	-18.0%	40.0	56.8	-29.6%

(Nguồn: fireant.vn)

